TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Hải Anh

Các Hội thẩm nhân dân: ÔngNguyễn Quang Huy; Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 413/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm: 1984

- *Bị đơn:* Anh Phạm Tiến C, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-12-2020; bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh Phạm Tiến C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26-10-2009 tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh C.

Về nuôi con chung: Chị và anh C có 02 con chung là: Phạm Ngọc Trần Quyết, sinh ngày 21-8-2010 và Phạm Ngọc Trần Đ, sinh ngày 25-7-2015. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, giao cháu Q cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị đề ngày 13-12-2020, anh Phạm Tiến C trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị N

Về nuôi con chung: Anh xác nhận anh chị có hai con chung như chị N trình bày và đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Q, giao cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án đến khi nghị án đã đúng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giải quyết các vấn đề về án phí, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là anh Phạm Tiến C có hộ khẩu thường trú tại tổ 14, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Chị Trần Thị N và anh Phạm Tiến C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Phạm Tiến C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 26-10-2009 là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị tòa án giải quyết ly hôn và không tiến hành hòa giải. Anh C đồng ý ly hôn với chị N và đề nghị vắng mặt trong các phiên hòa giải. Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh C có 02 con chung là Phạm Ngọc Trần Q, sinh ngày 21-8-2010 và Phạm Ngọc Trần Đ, sinh ngày 25-7-2015. Anh chị đều đề nghị giao cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy đề nghị về nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần được chấp nhận. Do anh C và chị N đều không có yêu cầu về cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Anh C không phải chịu tiền án phí.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Phạm Tiến C

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Trần Định cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Ngọc Trần Quyết cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị N, anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0006698 ngày 01-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Tiến C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh ;
- VKSND tp.Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Nguyễn Thái Học;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Hải Anh